

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2020
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thu Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Dong
2. Bà Đinh Thị Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc kiện “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tráng Thị N - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T - Sinh năm 1982

Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu

Nơi ở: Thôn M, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tráng Thị N trình bày:

Chị Tráng Thị N và anh Lò Văn T kết hôn ngày 21/6/2017, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai theo đúng quy định pháp luật. Trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N và anh T tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và làm ăn kinh tế. Anh Lò Văn T không tu chí làm ăn để cùng chị N xây dựng kinh tế, bản thân anh T ham chơi, phá tán tài sản gia đình. Từ đó giữa anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau khiến cho cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Trong quá trình chung sống anh T không quan tâm, chăm sóc chị N. Khi chị N mang thai đến khi sắp

sinh con và khi chị nằm viện vì thai bị chết lưu anh T cũng không hỏi han, động viên chị mà thường xuyên bỏ nhà đi chơi. Chị N đã nhiều lần khuyên nhủ và cho anh T cơ hội để cùng nhau xây dựng gia đình nhưng anh T vẫn chứng nào tật đấy không chịu thay đổi. Khi anh T biết chị N nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án anh T đã nhiều lần mắng chửi, đe dọa chị N. Hiện nay anh chị tuy vẫn sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm và kinh tế, vợ chồng không hỏi han, quan tâm gì đến nhau. Đến nay mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trở nên trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị Tráng Thị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống với anh Lò Văn T bản thân chị Tráng Thị N đã có thai, tuy nhiên khi chuẩn bị sinh thì thai đã bị chết lưu nên giữa chị và anh T không có con chung vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Tráng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lò Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Lò Văn T theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên anh Lò Văn T không có văn bản trả lời và cũng không đến Toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử và tiến hành xét xử vắng mặt anh Lò Văn T.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Tráng Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định pháp luật, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến tòa án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị Tráng Thị N được ly hôn anh Lò Văn T. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tráng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T; giữa chị Tráng Thị N và anh Lò Văn T không có con chung; về tài sản chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bị đơn anh Lò Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản Nà Bỏ, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu tạm trú và sinh sống tại Thôn Minh Tân, xã Cốc Mỹ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên anh Lò Văn T không có văn

bản trả lời và cũng không đến Toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tráng Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do vậy đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ Luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Tráng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị Tráng Thị N và anh Lò Văn T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Tráng Thị N và anh Lò Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 21/6/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Vì vậy hôn nhân giữa chị Tráng Thị N và anh Lò Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Chị Tráng Thị N cho rằng anh Lò Văn T không tu chí làm ăn để cùng chị xây dựng kinh tế, bản thân anh T ham chơi, phá tán tài sản, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Từ đó giữa anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau khiến cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị N đã nhiều lần khuyên nhủ và cho anh T cơ hội nhưng anh T vẫn chứng nào tật đấy không chịu thay đổi. Hiện nay anh chị tuy vẫn sống chung một nhà nhưng không còn quan hệ gì cả về tình cảm và kinh tế. Đến nay chị Tráng Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn T. Tại biên bản xác minh ngày 06/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát tại nơi chị Tráng Thị N và anh Lò Văn T sinh sống có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã xác định tuy chị N và anh T cùng chung sống một nhà nhưng bản thân anh T thường xuyên vắng nhà, giữa anh chị thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn, thời gian chị N mang thai anh T thường xuyên đi vắng không ở nhà chăm sóc cho chị, bản thân chị N xác nhận không còn tình cảm với anh T. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tráng Thị N và anh Lò Văn T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tráng Thị N đối với anh Lò Văn T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Tráng Thị N và anh Lò Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Tráng Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Tráng Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tráng Thị N và anh Lò Văn T.

2. Về án phí: Chị Tráng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Tráng Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0003351 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát. Xác nhận chị Tráng Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Tráng Thị N, anh Lò Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- UBND xã C, huyện B, tỉnh

Lào Cai;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thu Trang